

ĐỀ THI CUỐI KÌ 1 TOÁN LỚP 6

Thời gian: **Không giới hạn** | Số câu: **10**

Họ và tên thí sinh: _____
Lớp / Đơn vị: _____

Số báo danh: _____
Ngày thi: _____

1. Tính giá trị của biểu thức: $7 + 3 \times 5 - 2$.

- A. 20
B. 18
C. 15
D. 25

2. Số nào là số nguyên tố?

- A. 4
B. 5
C. 6
D. 8

3. Kết quả của 15% của 200 là bao nhiêu?

- A. 20
B. 30
C. 25
D. 15

4. Tìm số lớn nhất trong các số sau: 12, 25, 18, 30.

- A. 25
B. 30
C. 18
D. 12

5. Một hình chữ nhật có chiều dài 10 cm và chiều rộng 5 cm. Diện tích của hình chữ nhật là bao nhiêu?

- A. 50 cm^2
B. 30 cm^2
C. 40 cm^2
D. 60 cm^2

6. Tính tổng của các số: 3, 5, 7.

- A. 15
- C. 10

- B. 12
- D. 13

7. Số nào là bội số của 6?

- A. 14
- C. 20

- B. 18
- D. 22

8. Kết quả của phép chia 56 cho 7 là bao nhiêu?

- A. 8
- C. 6

- B. 7
- D. 9

9. Hình tròn có bán kính 7 cm. Chu vi của hình tròn là bao nhiêu? (Lấy $\pi \approx 3.14$)

- A. 43.96 cm
- C. 40.0 cm

- B. 44.0 cm
- D. 42.0 cm

10. Nếu một chiếc xe chạy với vận tốc 60 km/h, thì trong 2 giờ xe sẽ đi được bao xa?

- A. 120 km
- C. 140 km

- B. 100 km
- D. 110 km

ĐÁP ÁN

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
B	B	B	B	A	A	B	A	A	A

Gợi ý / Giải thích:

Câu 1: Theo thứ tự thực hiện phép tính, ta thực hiện phép nhân trước.

Câu 2: Số nguyên tố là số lớn hơn 1 chỉ chia hết cho 1 và chính nó.

Câu 3: 15% của 200 = 200×0.15 .

Câu 4: So sánh các số để tìm số lớn nhất.

Câu 5: Diện tích hình chữ nhật = chiều dài \times chiều rộng.

Câu 6: Tổng = $3 + 5 + 7$.

Câu 7: Bội số của 6 là các số chia hết cho 6.

Câu 8: 56 chia cho 7.

Câu 9: Chu vi hình tròn = $2 \times \pi \times$ bán kính.

Câu 10: Quãng đường = vận tốc \times thời gian.